



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN THÍCH ỨNG VỚI XU THẾ CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG VÀ CÂN BẰNG PHÁT THẢI CARBON

Trần Hải Ninh*, Mai Tuấn Đạt

Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn, 208 Đại lộ Hùng Vương, Tp. Quảng Ngãi, Việt Nam

THÔNG TIN BÀI BÁO

CHUYỂN MỤC: Công trình khoa học

Ngày nhận bài: 10/6/2024

Ngày nhận bài sửa: 20/7/2024

Ngày chấp nhận đăng: 15/8/2024

*Tác giả liên hệ:

Email: ninhth@bsr.com.vn

TÓM TẮT

Chuyển dịch năng lượng đã và đang là xu thế chung đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh của các quốc gia trên thế giới thực hiện mục tiêu Việt Nam đã cam kết tại Hội nghị COP26. Động lực thúc đẩy sự dịch chuyển năng lượng chính là yêu cầu giảm phát thải CO₂ và các loại khí gây hiệu ứng nhà kính khác từ tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người nhằm chống biến đổi khí hậu. Xu hướng dịch chuyển năng lượng xảy ra trên tất cả các lĩnh vực, có tính đa ngành và dẫn đến những thay đổi cơ bản trong công nghiệp năng lượng nói chung và dầu khí nói riêng. Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn (BSR) là một thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng nằm trong xu thế đó. Bài báo trình bày định hướng chiến lược phát triển BSR thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng và cân bằng phát thải carbon.

Từ khóa: hiệu ứng khí nhà kính, phát thải carbon

@ Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển dịch năng lượng đã và đang là xu thế chung đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh của các quốc gia trên thế giới thực hiện mục tiêu của Thỏa thuận Paris 2015 và Hội nghị COP26. Động lực thúc đẩy sự dịch chuyển năng lượng chính là yêu cầu giảm phát thải CO₂ và các loại khí gây hiệu ứng nhà kính khác từ tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người nhằm chống biến đổi khí hậu. Xu hướng dịch chuyển năng lượng xảy ra trên tất cả các lĩnh vực, có tính đa ngành và dẫn đến những thay đổi cơ bản trong công nghiệp năng lượng nói chung và dầu khí nói riêng. Tất cả những

xu hướng trên đều nhằm hướng tới mục tiêu tăng lợi nhuận, phát triển bền vững và hướng đến nền kinh tế phi carbon (zero carbon) của các ngành công nghiệp nói chung và công nghiệp dầu khí nói riêng. Trong cơ cấu tiêu thụ năng lượng toàn cầu, dự báo dịch chuyển năng lượng với xu hướng giảm mạnh nhu cầu nhiên liệu dầu và than, tăng tỷ lệ khí và năng lượng phi carbon, năng lượng điện trong tiêu thụ đầu cuối. Dưới tác động của dịch chuyển năng lượng, các xu hướng phát triển chính trong công nghiệp dầu khí cũng xảy ra đồng thời với công nghiệp năng lượng chung, bao gồm: điện hóa dạng năng lượng sử dụng, phát triển năng

lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, dịch chuyển dần từ dầu sang khí, tích hợp lọc-hóa dầu, sự thâm nhập gia tăng của EV (xe điện) và hydro... Như vậy, chuyển dịch năng lượng đang là yêu cầu mạnh mẽ đối với các doanh nghiệp khi tham gia chuỗi cung ứng hàng hóa trên thị trường quốc tế. Điều này khiến Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn (BSR) phải có những quan điểm và hành động thích ứng, hay phù hợp với yêu cầu và xu thế chuyển dịch năng lượng.

Để thích ứng trong xu hướng chuyển dịch năng lượng và góp phần giảm thải khí nhà kính của Việt Nam, BSR đã xây dựng định hướng chiến lược phát triển và lộ trình giảm phát thải khí nhà kính (KNK) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Bối cảnh xây dựng Chiến lược phát triển của BSR

2.1.1. Thuận lợi

- Tình hình chính trị xã hội của Việt Nam ổn định; BSR nhận được sự chỉ đạo và hỗ trợ của Đảng, Chính phủ, các Bộ, Ban/Ngành, chính quyền địa phương và đặc biệt là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN);

- Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu rộng với thế giới. Việc tham gia thực hiện các cam kết quốc tế đã ký kết là một nhiệm vụ quan trọng, trong đó đáng chú ý là mở cửa thị trường và phát triển cả doanh nghiệp nhà nước lẫn doanh nghiệp tư nhân;

- BSR đóng vai trò chủ chốt trong lĩnh vực hạ nguồn của Việt Nam. Đóng vai trò kinh tế quan trọng đối với miền Trung Việt Nam và góp phần phát triển đất nước Việt Nam: đóng góp 10-15% vào ngân sách của PVN; 5-10% trong tổng đóng góp vào Ngân sách nhà nước (NSNN) của các doanh nghiệp nhà nước; 40-50% vào ngân sách của tỉnh Quảng Ngãi. Nhà máy lọc dầu Dung Quất (NMLD Dung Quất) đã có nhiều tác động lớn đến kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi và khu vực miền Trung - Tây nguyên như góp phần phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng; liên kết ngành, vùng, hỗ trợ phát triển du lịch, dịch vụ; logistics, vận tải hàng hóa và kinh tế biển; phát triển công nghiệp nói chung và công nghiệp phụ trợ gắn với các sản phẩm lọc hóa

dầu, năng lượng; thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài...;

- Tình hình tài chính vững mạnh, khả năng thanh toán cao: 16 nghìn tỷ VNĐ tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bên cạnh hạn mức tín dụng có sẵn; doanh thu trên 100 nghìn tỷ VNĐ vào năm 2021, cao nhất trong ngành và trong PVN;

- Cơ cấu tổ chức của BSR đã được tái cơ cấu một cách hợp lý; tính chuyên nghiệp và kỷ luật được thiết lập, góp phần cải thiện hiệu quả quản trị doanh nghiệp; nhân viên của BSR có kinh nghiệm và năng lực chuyên sâu về vận hành, bảo dưỡng, quản trị doanh nghiệp cũng như quản lý các dự án lớn;

- Về mặt khoa học công nghệ, BSR đã đạt được những thành công lớn trong nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng để khai thác tối đa công suất khả dụng của Nhà máy, tối ưu công nghệ, tiết kiệm năng lượng – giảm phát thải, đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, phát triển sản phẩm mới,... cụ thể, tính đến nay:

+ Vận hành Nhà máy an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả ở công suất cao 110-114%, Thử nghiệm thành công nâng công suất các phân xưởng công nghệ góp phần khai thác tối đa công suất khả dụng: CDU 118%; NHT 137%, CCR 112%, ISOM 150%; KTU 140%; RFCC 110%; PP 115%; SRU2: 110%;

+ Đa dạng hóa nguồn dầu thô, nguyên liệu trung gian. Đã chế biến thử nghiệm thành công hơn 30 loại dầu thô mới; Nhập và chế biến thành công nguyên liệu SR LSFO qua Jetty, VGO nhập qua SPM chế biến trực tiếp tại RFCC góp phần tăng công suất RFCC khoảng 8%, gia tăng sản lượng sản phẩm và hiệu quả cao cho BSR;

+ Thực hiện thành công nhiều giải pháp cải tiến để tăng sản lượng xăng Mogas 95, góp phần tăng tỷ trọng xăng Mogas 95/Mogas 92 từ 40%/60% theo thiết kế ban đầu lên trên 70%/30%, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.

+ Triển khai thành công hơn 60 giải pháp/dự án tối ưu hóa, tiết kiệm năng lượng, giúp giảm chỉ số cường độ năng lượng EII từ 118% (trước năm 2015) xuống mức 105 (trước TA5) và khoảng 100% (sau TA5);



+ Đa dạng hoá sản phẩm: bổ sung mới 06 loại sản phẩm nhựa PP (T3045, I3085, BOPP F3030, TF4035, PP sinh học, PP compound sợi thủy tinh); 03 loại nhiên liệu đặc chủng cung cấp cho quốc phòng (Jet A-1K, DO L-62, Xăng ô tô RON 83); và một số sản phẩm mới khác gồm Mixed C4, RFCC Naphtha, Full Range Naphtha;

+Áp dụng thành công tối ưu thời gian BDTT từ 3 năm lên 3,5 năm (chuyển BDTT5 từ tháng 6-7/2023 sang tháng 3-4/2024).

2.1.2. Khó khăn

- Bối cảnh nền kinh tế thế giới: (i) sự tăng trưởng của nền kinh tế vĩ mô trên thế giới chậm lại trong những năm từ 2016 đến 2019 do giảm giá dầu, bất đồng giữa các quốc gia lớn về chính sách thương mại toàn cầu và tăng cường chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch; (ii) chính sách trừng phạt kinh tế của liên minh Châu Âu và các quốc gia Hoa Kỳ đối với liên bang Nga, chiến tranh thương mại Hoa Kỳ-Trung Quốc; (iii) suy thoái kinh tế toàn cầu nghiêm trọng năm 2020 do dịch Covid-19 và sự sụt giảm giá dầu;

Các cơ chế và chính sách liên quan đến sản xuất, kinh doanh, đầu tư và phát triển trong ngành công nghiệp lọc hóa dầu vẫn còn nhiều thiếu sót, chưa được khắc phục kịp thời và không phù hợp với thực tế phát triển của ngành công nghiệp lọc hóa dầu;

Chiến lược phát triển của BSR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 đang trong quá trình phê duyệt bởi cấp thẩm quyền. Chiến lược phát triển của Tập đoàn dầu khí cũng đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Các chính sách và cơ chế hỗ trợ để thực hiện thành công chiến lược chưa cụ thể, kỹ thuật công nghệ còn đang trong giai đoạn hoàn thiện;

Trong 5 năm 2016-2020, BSR liên tục phải đối mặt với tình trạng bất lợi từ thị trường nguyên liệu và sản phẩm, sự phục hồi kinh tế toàn cầu chậm và không ổn định ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các khía cạnh của hoạt động sản xuất và kinh doanh. Trong năm 2016-2017, BSR phải đối mặt với giảm sâu của giá dầu tới mức thấp nhất so với 13 năm trước. Năm 2020, BSR phải đối mặt với tác động kép của đại dịch Covid-19 và sự sụt giảm

nhẹ của giá dầu chưa từng có trong lịch sử ngành dầu khí thế giới (có lúc, ngày 20 tháng 4 năm 2020, giá dầu WTI xuống mức âm 37,63 USD/thùng);

Các sản phẩm của BSR phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ (i) các nguồn nhập khẩu, được thúc đẩy bởi việc ký kết các hiệp định thương mại tự do cũng như các động thái hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam với thế giới; và (ii) các sản phẩm của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP), Công ty TNHH hoá dầu Long Sơn, Công ty TNHH Hoá chất Hyosung Vina.

2.2. Quan điểm phát triển thích ứng với chuyển dịch năng lượng của BSR

- BSR cần tận dụng lợi thế cạnh tranh của mình để phát triển theo xu hướng chuyển dịch năng lượng, đảm bảo phát triển hiệu quả, ổn định và bền vững, từ đó, tìm kiếm cơ hội trong bối cảnh thị trường năng lượng mới để tạo ra bước phát triển đột phá;

-Xây dựng, phát triển Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) gắn liền với chiến lược phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam; Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đảm bảo đồng bộ, hiệu quả và bền vững, năng động và có khả năng cạnh tranh cao cả trong nước và khu vực, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển đất nước, tham gia tích cực vào việc thực hiện các giải pháp nhằm đạt được phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, có trách nhiệm cao với cộng đồng, xã hội và môi trường;

- Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính bao gồm: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hoá dầu; kinh doanh thương mại dầu thô và các sản phẩm hoá dầu; Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật; từng bước thâm nhập hiệu quả vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng xanh/sạch. Giữ vững vị trí là nhà cung cấp các sản phẩm lọc hoá dầu hàng đầu của Việt Nam. Đẩy mạnh phát triển hóa dầu và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao cho khâu sau;

- Sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái. Chủ động thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thúc đẩy nghiên cứu, đầu tư và phát triển các nguồn năng lượng xanh/sạch và thân thiện với môi trường như nhiên liệu bền vững từ nguồn nguyên liệu vi tảo, Hydro xanh,...;

Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động của BSR. Phát huy tối đa nội lực, năng lực quản trị hiện đại, kết hợp với đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế, khuyến khích và thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào các lĩnh vực hoạt động của BSR.

2.3. Giải pháp và lộ trình thực hiện giảm phát thải khí nhà kính tại NMLD Dung Quất

BSR đã nghiên cứu và đề xuất các nhóm giải pháp giảm phát thải KNK cho NMLD Dung Quất gồm 05 nhóm chính: (1) Tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả; (2) Sử dụng Năng lượng tái tạo, thay thế trong một số hoạt động sản

xuất điện, Hydro; (3) Thu hồi, sử dụng CO₂ sản xuất Methanol (CCUS), (4) Trồng rừng và (5) Trao đổi tín chỉ carbon.

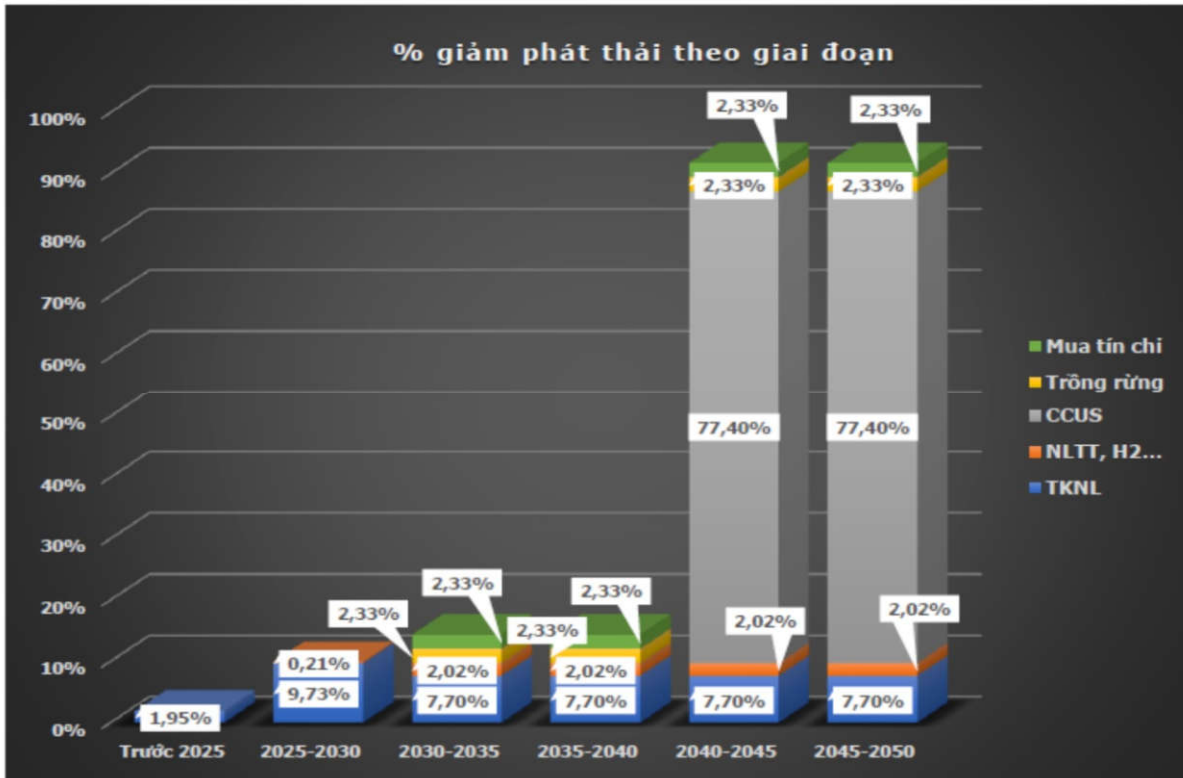
Lộ trình giảm phát thải đến năm 2050 được nghiên cứu và xây dựng theo 04 kịch bản, với các mức độ khả thi khác nhau (mức giảm phát thải càng cao, chi phí đầu tư càng lớn):

- Kịch bản cơ sở: định hướng mức giảm phát thải của BSR đến năm 2050 là 91,6% (theo quy định trong QĐ số 896 của Thủ tướng Chính phủ về biến đổi khí hậu).
- Kịch bản cao: mức giảm phát thải 100% (đạt Netzero).
- Kịch bản trung bình, mức giảm phát thải khoảng 35-40%.
- Kịch bản thấp – hiệu quả: mức giảm phát thải khoảng 10~12%, chi phí đầu tư bổ sung là thấp nhất.

Các kịch bản có thể linh hoạt thay đổi tùy thuộc vào các quy định, chính sách của Chính phủ và tình hình thị trường tín chỉ carbon. 04 kịch bản được tóm tắt như sau:

Bảng 1. Các kịch bản giảm phát thải KNK dự kiến của NMLD Dung Quất

Kịch bản	Cơ sở (*)	Cao	Trung Bình	Thấp
Mức giảm phát thải vào 2050	91,6%	100%	35-40%	10-12%
Chi phí đầu tư (triệu USD)	~ 1.800	~2.100	~700	~170
Các nhóm giải pháp				
Tiết kiệm NL, %	7.70	7.70	7.70	7.70
Năng lượng Tái tạo, %	2,02	2,02	2,02	2,02
CCUS, %	77.40	77.40	22.45	0
Trồng rừng, %	2.33	6.53	2.33	1.14
Mua tín chỉ, %	2.33	6.53	2.33	1.14
Tổng giảm phát thải, %	91,6	100	36,6	12.00
(*) Kịch bản cơ sở lấy mức giảm phát thải theo QĐ số 896/QĐ-TTg 26/7/2022 Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu đến 2050.				



Hình 1. Lộ trình giảm phát thải KNK, phân đầu theo Kịch bản cơ sở

2.4. Khó khăn thách thức thực hiện Lộ trình giảm phát thải KNK đối với NMLD Dung Quất

- Nhóm giải pháp Tiết kiệm năng lượng và Năng lượng tái tạo: khả năng giảm phát thải khoảng 5-10%, đây là 2 nhóm giải pháp có tiềm năng cao, phù hợp với nguồn lực của BSR. Tuy nhiên khi triển khai BSR vẫn gặp nhiều khó khăn như:

+ Việc cải tiến, nâng cấp thiết bị cần nghiên cứu, đánh giá cẩn trọng và phải được tư vấn bởi các Nhà bản quyền, chuyên gia quốc tế nhằm đảm bảo sự đồng bộ và an toàn công nghệ với hệ thống hiện hữu của Nhà máy. Một số giải pháp phải tạm dừng/hủy do chưa khả thi và không đảm bảo đồng bộ và an toàn công nghệ;

+ Các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, hiện bên trong NMLD Dung Quất có tiềm năng phát triển ĐMT lên đến 30MWp, tuy nhiên vẫn chưa triển khai được do cơ chế và chưa hiệu quả.

- Giải pháp CCUS: đây là nhóm giải pháp giúp giảm sâu phát thải KNK (trên 70%), tuy nhiên đòi

hỏi vốn đầu tư lớn (trên 1 tỷ USD). Một số thuận lợi/khó khăn vướng mắc:

+ Công đoạn thu gom (CO₂ capture): có tính khả thi kỹ thuật nhờ công nghệ đã được thương mại hóa rộng rãi.

+ Công đoạn lưu giữ CO₂ (Storage): Về mặt lý thuyết CO₂ có thể được lưu giữ trong các cấu tạo địa chất phù hợp như mỏ muối, mỏ dầu khí sau giai đoạn khai thác, tầng nước ngầm,... hoặc sử dụng cho quá trình tăng cường thu hồi dầu (EOR). Tiềm năng tồn trữ CO₂ của các bể dầu khí chính tại Việt Nam (Sông Hồng, Cửu Long và Nam Côn Sơn) có thể lên đến 70 tỷ tấn. Tuy nhiên nghiên cứu CCS ở Việt Nam cũng chưa được chi tiết, đồng thời các bể lưu trữ CO₂ này chủ yếu ở Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam nên BSR ít có lợi thế về mặt địa lý trong việc vận chuyển CO₂ đến các bể tiềm năng này. Về mặt trưởng thành công nghệ thì ở trên thế giới mới được biết đến ở giai đoạn thử nghiệm và trình diễn, chi phí vận chuyển và lưu trữ còn rất cao.

+ Công đoạn sử dụng CO₂ (Use): công nghệ chuyển hóa CO₂ thành hóa dầu hóa chất đòi hỏi chi phí đầu tư cao, công nghệ chưa được áp dụng



rộng rãi, hiệu quả kinh tế thấp, sản phẩm tạo ra phải cạnh tranh với sản phẩm từ nguồn nguyên liệu truyền thống.

+ Giải pháp trồng rừng: BSR đã nghiên cứu và làm việc với các tỉnh lân cận, một số khó khăn vướng mắc như sau:

*Cần diện tích rừng rất lớn: với mức hấp thụ CO₂ của rừng trung bình khoảng 10 tấn CO₂/ha/năm, để giảm 10% KNK của BSR (khoảng 200.000 tấn/năm) thì cần 20.000 hecta rừng;

*Chưa có chính sách, hướng dẫn, cơ chế hợp tác về trồng rừng: cụ thể là BSR đã làm việc với tỉnh Quảng Nam thì được biết việc triển khai Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ carbon rừng ở Quảng Nam đang gặp vướng mắc về pháp lý về lựa chọn đơn vị tư vấn để thẩm định tín chỉ carbon;

- Giải pháp sản xuất nhiên liệu sạch và cân bằng carbon từ nguyên liệu sinh học: nhằm đảm bảo các tiêu chí bền vững, hướng sản xuất nhiên liệu từ nguồn nguyên liệu thế hệ thứ 3 được ưu tiên nghiên cứu. Trong đó, vi tảo (nguồn nguyên liệu sinh học thế hệ thứ 3) được xem là nguồn hấp thụ CO₂ hiệu quả và nguồn cung cấp nguyên liệu sinh khối cho quá trình sản xuất nhiên liệu sinh học, nhiên liệu bay bền vững (SAF), đồng thời cũng tạo các hợp chất có giá trị dinh dưỡng quan trọng cho con người như Phycocyanin, Chlorophyll, Omega-3... Tuy nhiên, những thách thức về mặt công nghệ nuôi trồng, công nghệ thu hoạch vi tảo để sản xuất nhiên liệu bền vững vẫn đang là rào cản lớn để áp dụng quy mô lớn trong công nghiệp.

3. KẾT LUẬN

➢ Xu hướng chuyển dịch năng lượng hiện đang định hình hành vi của người tiêu dùng và thay đổi các quy định, tác động đáng kể đến chuỗi giá trị của ngành dầu khí. Sự chuyển dịch năng lượng hướng đến sự chuyển đổi ngành năng lượng toàn cầu từ sử dụng nhiên liệu hoá thạch sang nhiên liệu sạch, bền vững, ít phát thải carbon từ nửa sau thế kỷ 21;

➢ Căn cứ vào các văn bản của Bộ Chính trị, quyết định/chương trình/định hướng của Chính phủ, các nghị định/chỉ thị/hướng dẫn của các Bộ/ngành, chiến lược phát triển của PVN và chỉ đạo định hướng của Lãnh đạo Tập đoàn, BSR định

hướng xây dựng, phát triển Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) gắn liền với chiến lược phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam; Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đảm bảo đồng bộ, hiệu quả và bền vững, năng động và có khả năng cạnh tranh cao trong nước và khu vực, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển đất nước, tham gia tích cực vào việc thực hiện các giải pháp nhằm đạt được phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, có trách nhiệm cao với cộng đồng, xã hội và môi trường;

➢ Về giảm phát thải KNK, BSR đã nghiên cứu các kịch bản giảm phát thải ở các mức giảm phát thải từ thấp đến cao, phân tích các thuận lợi, khó khăn thách thức của giảm phát thải KNK, theo đó, BSR định hướng và đề xuất lộ trình giảm phát thải KNK cho NMLD Dung Quất như sau:

- Trong ngắn và trung hạn, 2024-2030: BSR chủ trương tập trung triển khai các giải pháp/dự án tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió tại khu vực lân cận BSR, mục tiêu giảm khoảng 5-10% mức phát thải hiện tại của Nhà máy;

- Về dài hạn, 2030-2050: BSR tiếp tục theo dõi tình hình phát triển công nghệ, cơ chế chính sách và kinh nghiệm giảm phát thải KNK của các NMLD trên thế giới để xem xét triển khai các dự án giảm sâu mức phát thải KNK cho NMLD Dung Quất, nhằm đáp ứng và phù hợp với xu hướng CDNL của Việt Nam và Thế giới;

➢ Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của BSR và tiếp tục phát triển bền vững trong dài hạn theo các định hướng phát triển phù hợp với xu hướng chuyển dịch năng lượng, BSR kính đề xuất và kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc liên quan, cụ thể như sau:

-Các bộ, ngành trung ương, nhất là Bộ Công Thương cần phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh Quảng Ngãi và PVN để thúc đẩy xây dựng Trung tâm lọc hoá dầu và năng lượng Quốc gia tại KTT Dung Quất theo tinh thần của Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về "Phát



triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ;

- Các bộ, ngành trung ương và các sở ngành địa phương cần nhìn nhận đầy đủ vai trò của NMLD Dung Quất nói riêng và BSR nói chung là doanh nghiệp hạt nhân có đóng góp hết sức to lớn cho sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, vùng và địa phương. Do đó, khi xây dựng các cơ chế chính sách phát triển vùng và địa phương cũng cần tính đến việc phát huy tối đa vai trò của NMLD Dung Quất;

- Sửa đổi Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước

đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật 69/2014/QH13) theo hướng rút ngắn các thủ tục phê duyệt đầu tư của cơ quan Nhà nước, tạo cơ chế chủ động, phân cấp mạnh cho Chủ đầu tư trong hoạt động đầu tư dự án đặc thù của lĩnh vực lọc hoá dầu, phù hợp với thông lệ quốc tế;

- Cơ chế, chính sách cho phát triển năng lượng tái tạo, chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải KNK cần được xây dựng có tính liên tục và dài hạn hơn, đủ để các nhà đầu tư định hướng đầu tư phát triển các dự án □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. BSR. Báo cáo thường niên 2020-2023.
- [2]. BSR (2022), Báo cáo nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu các phương án giảm phát thải CO2 và lộ trình giảm phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) tại NMLD Dung Quất”
- [3]. BSR (2024). Báo cáo số 825/BC-NCPT ngày 04/7/2024 về “Nghiên cứu phương án công nghệ sản xuất SAF tại Nhà máy Bio-Ethanol Dung Quất”. Quảng Ngãi
- [4]. Tư vấn BCG (2020). Báo cáo “Chiến lược phát triển của BRS đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”
- [5]. Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ. Báo cáo nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và khu vực Miền Trung nói chung”.

BSR'S STRATEGIC DEVELOPMENT ORIENTATION ADAPTS TO THE ENERGY TRANSITION TREND AND BALANCES CARBON FOOTPRINT

Ninh Hai Tran*, Dat Tuan Mai

Binh Son Refining and Petrochemical JSC, Hung Vuong Avenue, Quang Ngai City, Vietnam

ARTICLE INFOR

TYPE: Research Article

Received: 10/6/2024

Revised: 20/7/2024

Accepted: 15/8/2024

* Corresponding author:

Email: ninhth@bsr.com.vn

ABSTRACT

Energy transition has been a common trend for manufacturing and trading enterprises of countries around the world to implement the goals that Vietnam committed to at the COP26 Conference. The driving force behind the energy transition is the requirement to reduce carbon footprint and other greenhouse gases from all areas of human activities to combat climate change. The energy transition trend occurs in all areas, is multi-sectoral and leads to fundamental changes in the energy industry in general and oil and gas in particular. Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company (BSR) is a member of the Vietnam Oil and Gas Group and is also in that trend. The article presents the strategic orientation for developing BSR to adapt to the energy transition trend and balance carbon footprint.

Keywords: greenhouse effect, carbon footprint

@ Vietnam Mining Science and Technology Association